

Số: 50 /GPMT-UBND

Hung Yên, ngày 09 tháng 1 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 24/JIALI ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH dụng cụ thể thao Jiali Việt Nam giải trình việc chỉnh sửa, bổ sung, đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy Jiali Việt Nam” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 681/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH dụng cụ thể thao Jiali Việt Nam, địa chỉ tại Nhà xưởng 2C thuê của Công ty cổ phần phát triển đầu tư và xây lắp Tiến Thịnh tại Lô CN1, Khu công nghiệp Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy Jiali Việt Nam” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy Jiali Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại nhà xưởng 2C thuê của Công ty cổ phần phát triển đầu tư và xây lắp Tiến Thịnh tại Lô CN1, Khu công nghiệp Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1001298045 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính tỉnh Thái Bình (nay là Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên) cấp, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 4 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 1001298045.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công gậy gôn bằng sắt, gậy gôn bằng sợi carbon và các bộ phận của gậy gôn (tay cầm, thân gậy, đầu gậy) mã ngành 3230; dự án không thực hiện công đoạn mạ kim loại, không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích sử dụng đất: Thuê nhà xưởng 2C của Công ty cổ phần phát triển đầu tư và xây lắp Tiến Thịnh trên diện tích đất 2.750 m², diện tích sàn 5.500 m².

- Công suất thiết kế: 1.001.000 sản phẩm/năm, trong đó:

+ Gậy gôn bằng sắt: 300.300 sản phẩm/năm;

+ Gậy gôn bằng sợi carbon: 200.200 sản phẩm/năm;

+ Các bộ phận của gậy gôn (tay cầm, thân gậy, đầu gậy): 500.500 sản phẩm/năm.

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm C.

- Dự án thuộc Danh mục dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Quy trình, công nghệ sản xuất:

(1) Quy trình sản xuất đầu gậy: Nguyên liệu (Thép) → Cắt → Làm nóng → Dập khuôn → Gia công CNC → Xử lý nhiệt và làm cứng bề mặt → Đánh bóng lần 1 → Phun cát → Phun cát đầu ống → Phun sơn (Pha sơn trước khi phun sơn) → Sấy → Đánh bóng lần 2 → Làm sạch → Vẽ sơn chữ → Kiểm tra → Đóng gói hoặc lắp ráp gậy gôn → Nhập kho, Xuất hàng.

(2) Quy trình sản xuất tay cầm: Bán thành phẩm (Tay cầm thô) → Làm sạch → Kiểm tra → Đóng gói hoặc lắp ráp gậy gôn → Nhập kho, Xuất hàng.

(3) Quy trình sản xuất thân gậy bằng sắt: Nguyên liệu (Ống sắt) → Đánh bóng → Mạ (thuê bên ngoài) → Cắt → Mài đầu ống → Phun cát đầu ống → Mài chỉnh sửa → Dán nhãn → Kiểm tra chất lượng → Đóng gói hoặc lắp ráp gậy gôn → Nhập kho, Xuất hàng.

(4) Quy trình sản xuất thân gậy bằng sợi carbon: Nguyên liệu (Sợi carbon tấm sẵn nhựa epoxy) → Cắt sợi carbon → Quấn sợi carbon và màng PE quanh trục lõi → Gia nhiệt → Gỡ lõi → Phủ sơn lần 1 → Sấy → Mài mịn → Sấy → Dán nhãn bằng ép nhiệt → Phủ sơn lần 2 → Sấy → Kiểm tra → Đóng gói hoặc lắp ráp gậy gôn → Nhập kho, Xuất hàng.

(5) Quy trình lắp ráp gậy gôn: Thành phẩm tay cầm, thân gậy, đầu gậy, miếng phối trọng → Vệ sinh ống → Lắp ráp → Làm sạch → Kiểm tra → Đóng gói → Nhập kho, Xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH dụng cụ thể thao Jiali Việt Nam.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH dụng cụ thể thao Jiali Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Đến ngày 31/3/2030.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý KKT và các KCN tỉnh;
- Trung tâm PVHCC (cơ sở 2) (trả kết quả);
- UBND phường Vũ Phúc;
- Công ty CP phát triển đầu tư và xây lắp Tiến Thịnh;
- Công ty TNHH dụng cụ thể thao Jiali Việt Nam;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải công khai);
- Lưu: VT, KT2^{Thin}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
09/01/2026 13:55:57

Nguyễn Hùng Nam

Phụ lục 1**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **50** /GPMT-UBND ngày **09** tháng **1** năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt gồm: Hệ thống đường ống PVC đường kính 110 mm chiều dài khoảng 110 m, đường ống PVC đường kính 140 mm chiều dài khoảng 32 m thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nguồn (khu nhà tắm, vệ sinh) vào 01 hố ga thoát nước thải của Công ty Cổ phần phát triển đầu tư và xây lắp Tiến Thịnh, tọa độ: $X_{(m)} = 2262120.920$, $Y_{(m)} = 584947.554$ (theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu $105^\circ 3'$), sau đó được dẫn về hố ga của hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phúc Khánh, tọa độ: $X_{(m)} = 2261800.450$; $Y_{(m)} = 585012.100$ (Theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu $105^\circ 3'$).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Số lượng: 02 bể tự hoại 3 ngăn, có thể tích 7 m^3 và 5 m^3 .

1.2.2. Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn → Hố ga đầu nổi của hệ thống thoát nước thải của Công ty Cổ phần phát triển đầu tư và xây lắp Tiến Thịnh → Hố ga đầu nổi của hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phúc Khánh → Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phúc Khánh theo Hợp đồng đầu nổi.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt bảo đảm nước thải được thu gom triệt để.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt.

- Đối với sự cố không thể khắc phục ngay, tạm dừng hoạt động sản xuất của nhà máy; chỉ hoạt động lại khi khắc phục xong sự cố, bảo đảm nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nổi với trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phúc Khánh.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được

sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của Công ty Cổ phần phát triển đầu tư và xây lắp Tiến Thịnh sau đó thoát nước thải vào trạm xử lý nước thải tập trung của Công ty Cổ phần Khai phát Đài Tín.

3.2. Thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom nước thải; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý bùn thải.

3.3. Thực hiện các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

3.4. Phối hợp với Công ty Cổ phần phát triển đầu tư và xây lắp Tiến Thịnh về việc thực hiện đầu nối nước thải sinh hoạt về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Công ty Cổ phần Khai phát Đài Tín để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường. 



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 50 /GPMT-UBND ngày 09 tháng 1 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực pha sơn tầng 1 nhà xưởng.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ khu vực phủ sơn tầng 1 nhà xưởng.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ khu vực sấy sau sơn tầng 1 nhà xưởng.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ 01 máy dán nhãn bằng ép nhiệt tại khu vực dán nhãn bằng ép nhiệt tầng 1 nhà xưởng.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ khu vực vẽ sơn chữ tầng 2 nhà xưởng.
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ 02 máy gia nhiệt tầng 2 nhà xưởng.
- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ khu vực lắp ráp tầng 2 nhà xưởng.
- Nguồn số 08: Khí thải phát sinh từ khu vực làm sạch tầng 2 nhà xưởng.
- Nguồn số 09: Khí thải phát sinh từ 01 buồng phun sơn tầng 2 nhà xưởng.
- Nguồn số 10: Khí thải phát sinh từ 02 máy mài bóng tự động tầng 1 nhà xưởng.
- Nguồn số 11: Khí thải phát sinh từ 07 máy mài bóng thủ công tầng 1 và tầng 2 nhà xưởng.
- Nguồn số 12: Khí thải phát sinh từ 05 máy cắt tầng 2 nhà xưởng.
- Nguồn số 13: Khí thải phát sinh từ 02 máy mài không tâm CNC tầng 2 nhà xưởng.
- Nguồn số 14: Khí thải phát sinh từ 04 máy phun cát tầng 2 nhà xưởng.
- Nguồn số 15: Khí thải phát sinh từ 03 máy phun cát đầu ống tầng 2 nhà xưởng.
- Nguồn số 16: Khí thải phát sinh từ 02 máy dập khuôn tầng 2 nhà xưởng.
- Nguồn số 17: Khí thải phát sinh từ 01 máy mài đầu ống tầng 2 nhà xưởng.
- Nguồn số 18: Khí thải phát sinh từ khu vực gia công CNC tầng 2 nhà xưởng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

STT	Dòng khí thải	Ống khói tương ứng	Lưu lượng xả khí thải lớn nhất (m ³ /giờ)	Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến 105 ⁰ 30' múi chiều 3 ⁰)	
				X(m)	Y(m)
1	Dòng khí thải số 1	Ống khí thải của hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ các nguồn số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09	22.000	2262104.197	584882.227

2	Dòng khí thải số 2	Ống khí thải của hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ các nguồn số: 10, 11, 12, 13, 14	22.000	2262105.783	584884.503
---	--------------------	---	--------	-------------	------------

2.2. Tổng lưu lượng xả khí thải tối đa: 44.000 m³/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục theo các thời điểm sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01			Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
1	Benzen	mg/Nm ³	≤ 5		
2	Toluen	mg/Nm ³	≤ 40		
3	Etyl Benzen	mg/Nm ³	≤ 120		
4	Xylen	mg/Nm ³	≤ 100		
5	Formaldehyde	mg/Nm ³	≤ 15		
6	Axetaldehyt	mg/Nm ³	≤ 100		
7	Metanol	mg/Nm ³	≤ 150		
8	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 40		
9	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
II	Dòng khí thải số 02				
1	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 40		
2	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực pha sơn tầng 1 nhà xưởng, khu vực phủ sơn tầng 1 nhà xưởng, khu vực sấy sau sơn tầng 1 nhà xưởng, 01 máy dán nhãn tại khu vực dán nhãn bằng ép nhiệt tầng 1 nhà xưởng, khu vực vẽ sơn chữ tầng 2 nhà

xưởng, 02 máy gia nhiệt tầng 2 nhà xưởng, khu vực lắp ráp tầng 2 nhà xưởng, khu vực làm sạch tầng 2 nhà xưởng, 01 buồng phun sơn tầng 2 nhà xưởng (các nguồn số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09) được thu gom bằng đường ống, quạt hút về hệ thống xử lý khí thải công suất 22.000 m³/giờ; khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn xả ra môi trường qua ống thoát khí.

- Bụi phát sinh từ 02 máy mài bóng tự động tầng 1 nhà xưởng, 07 máy mài bóng thủ công tầng 1 và tầng 2 nhà xưởng, 05 máy cắt tầng 2 nhà xưởng, 02 máy mài không tâm CNC tầng 2 nhà xưởng, 04 máy phun cát tầng 2 nhà xưởng (các nguồn số: 10, 11, 12, 13, 14) được thu gom bằng đường ống, quạt hút về hệ thống xử lý bụi công suất 22.000 m³/giờ; khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn xả ra môi trường qua ống thoát khí.

- Bụi phát sinh từ 03 máy phun cát đầu ống tầng 2 nhà xưởng (nguồn số 15) được thu gom, xử lý qua lưới lọc, khí sạch được thoát vào trong khu vực nhà xưởng sản xuất.

- Bụi phát sinh từ 02 máy dập khuôn tầng 2 nhà xưởng (nguồn số 16) được thu gom, xử lý qua tấm chắn bụi, bụi sau đó sẽ sa lắng, khí sạch được thoát vào trong khu vực nhà xưởng sản xuất.

- Bụi phát sinh từ 01 máy mài đầu ống tầng 2 nhà xưởng (nguồn số 17), được thu gom, xử lý qua vách ngăn kín bao quanh khoang mài của máy, bụi sau đó sẽ sa lắng, khí sạch được thoát vào trong khu vực nhà xưởng sản xuất.

- Bụi phát sinh từ khu vực gia công CNC tầng 2 nhà xưởng (nguồn số 18) được thu gom, xử lý qua tấm chắn bụi, bụi sau đó sẽ sa lắng, khí sạch được thoát vào trong khu vực nhà xưởng sản xuất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực pha sơn tầng 1 nhà xưởng, khu vực phủ sơn tầng 1 nhà xưởng, khu vực sấy sau sơn tầng 1 nhà xưởng, 01 máy dán nhãn tại khu vực dán nhãn bằng ép nhiệt tầng 1 nhà xưởng, khu vực vẽ sơn chữ tầng 2 nhà xưởng, 02 máy gia nhiệt tầng 2 nhà xưởng, khu vực lắp ráp tầng 2 nhà xưởng, khu vực làm sạch tầng 2 nhà xưởng, 01 buồng phun sơn tầng 2 nhà xưởng.

- Số lượng: 01 hệ thống

- Quy trình công nghệ xử lý:

Bụi, khí thải (riêng đối với bụi, khí thải từ buồng phun sơn xử lý qua màng nước dập bụi) → Chụp hút/Đường ống nhánh → Đường ống dẫn chính → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 22.000 m³/giờ.

+ Vật liệu, hóa chất sử dụng: Than hoạt tính.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ 02 máy mài bóng tự động tầng 1 nhà xưởng, 07 máy mài bóng thủ công tầng 1 và tầng 2 nhà xưởng, 05 máy cắt tầng 2 nhà xưởng, 02 máy mài không tâm CNC tầng 2 nhà xưởng, 04 máy phun cát tầng 2 nhà xưởng.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Quy trình công nghệ xử lý: Bụi → Chụp hút/Đường ống nhánh → Đường ống dẫn chính → Quạt hút → Cyclone → Buồng lọc Cartridge → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 22.000 m³/giờ.

- Vật liệu, hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Lắp đặt hệ thống theo đúng hướng dẫn, thiết kế, vận hành máy móc thiết bị đúng quy trình.

- Định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định hệ thống xử lý.

- Mua sắm dự phòng các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải để kịp thời thay thế khi có sự cố.

- Thường xuyên thu gom bụi tại thùng chứa, thay thế nước tại buồng phun sơn và thay thế than hoạt tính tại tháp hấp phụ than hoạt tính.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố hỏng hóc, phải dừng sản xuất tạm thời để tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời; chỉ đưa dây chuyền vào sản xuất hoạt động trở lại khi hệ thống xử lý khí thải đã khắc phục và bảo đảm chất lượng khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Công trình, thiết bị xả khí thải:

- + Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực pha sơn tầng 1 nhà xưởng, khu vực phủ sơn tầng 1 nhà xưởng, khu vực sấy sau sơn tầng 1 nhà xưởng, 01 máy dán nhãn tại khu vực dán nhãn bằng ép nhiệt tầng 1 nhà xưởng, khu vực vẽ sơn chữ

tầng 2 nhà xưởng, 02 máy gia nhiệt tầng 2 nhà xưởng, khu vực lắp ráp tầng 2 nhà xưởng, khu vực làm sạch tầng 2 nhà xưởng, 01 buồng phun sơn tầng 2 nhà xưởng.

+ Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ 02 máy mài bóng tự động tầng 1 nhà xưởng, 07 máy mài bóng thủ công tầng 1 và tầng 2 nhà xưởng, 05 máy cắt tầng 2 nhà xưởng, 02 máy mài không tâm CNC tầng 2 nhà xưởng, 04 máy phun cát tầng 2 nhà xưởng.

- Vị trí lấy mẫu: Tại 02 ống thoát khí thải ra môi trường tương ứng với 02 hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của chất ô nhiễm: Theo mục 2.4 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn khí thải sau xử lý trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3.3. Thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn nhân lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.5. Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý bụi phát sinh từ 03 máy phun cát đầu ống tầng 2 nhà xưởng; 02 máy dập khuôn tầng 2 nhà xưởng; 01 máy mài đầu ống tầng 2 nhà xưởng; khu vực gia công CNC tầng 2 nhà xưởng, bảo đảm môi trường làm việc và sức khỏe người lao động.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. 

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 57/GPMT-UBND ngày 09 tháng 1 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

01 nguồn phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị trong nhà xưởng 2C.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tại nhà xưởng 2C được giới hạn bởi các góc có tọa độ:

- Góc phía Tây Bắc: $X_{(m)} = 2262100.348$; $Y_{(m)} = 584839.062$.
- Góc phía Đông Bắc: $X_{(m)} = 2262111.855$; $Y_{(m)} = 584942.981$.
- Góc phía Đông Nam: $X_{(m)} = 2262081.819$; $Y_{(m)} = 584945.649$.
- Góc phía Tây Nam: $X_{(m)} = 2262071.012$; $Y_{(m)} = 584842.706$.

(Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Ghi chú
1	70	65	60	Khu vực E

Trong đó cho phép điều chỉnh ngưỡng quy định giá trị giới hạn trên theo thời gian phát ra tiếng ồn theo quy định tại bảng 2 của QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00) (dB)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00) (dB)	
1	75	70	Khu vực D

Trong đó cho phép điều chỉnh ngưỡng quy định giá trị giới hạn trên theo thời gian phát ra độ rung theo quy định tại bảng 2 của QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các thiết bị theo đúng biện pháp kỹ thuật để giảm ồn; đặc biệt với các thiết bị gây ồn lớn được lắp đặt chân đế, bệ máy và lắp đặt các đệm chống ồn, rung cho thiết bị.

- Vận hành đúng kỹ thuật các loại máy móc, thiết bị sản xuất.

- Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ máy móc, độ mài mòn chi tiết để bôi trơn dầu mỡ, thay mới thiết bị mài mòn.

- Trồng cây xanh cách ly.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. 



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ TĂNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số **50** /GPMT-UBND ngày **09** tháng **1** năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu thải	Lỏng	17 02 03	100
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 05	50
	Tổng khối lượng			150

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bụi kim loại, cặn kim loại, vụn kim loại, vụn sợi carbon, sản phẩm lỗi, hỏng	25.968,48
2	Giấy rác, đai rác	600
3	Cát Alumina thải	600
4	Bao bì đựng nguyên vật liệu thải	2.000
5	Bao bì đóng gói thải	9.231,61
6	Màng PE thải	2.875
7	Bùn từ bể tự hoại 3 ngăn	10.542
	Tổng khối lượng	51.817,09

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	20.716,8

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	550
2	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 04	KS	152,9
3	Than hoạt tính thải	Rắn	12 02 06	KS	3.600
4	Huyền phù nước thải lẫn sơn	Lỏng	08 01 04	KS	1.512
	Tổng khối lượng				5.814,9

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa chuyên dụng dung tích 200 lít.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích khoảng 10 m² (dùng chung với kho lưu giữ của Công ty Cổ phần phát triển đầu tư và xây lắp Tiến Thịnh, bố trí vách ngăn phân chia riêng giữa 2 Công ty theo văn bản thỏa thuận số 2503/2025/TT-JL ngày 25/05/2025 giữa Công ty Cổ phần phát triển đầu tư và xây lắp Tiến Thịnh và Công ty TNHH dụng cụ thể thao Jiali Việt Nam); thiết kế, cấu tạo: Mặt sàn khu vực lưu giữ bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che toàn bộ khu vực lưu giữ, có thiết bị bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật; có vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển báo, dấu hiệu cảnh báo.

- Hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì.

- Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Diện tích khoảng 4 m² (dùng chung với kho lưu giữ của Công ty Cổ phần phát triển đầu tư và xây lắp Tiến Thịnh, bố trí vách ngăn phân chia riêng giữa 2 Công ty theo văn bản thỏa thuận số 2503/2025/TT-JL ngày 25/05/2025 giữa Công ty Cổ phần phát triển đầu tư và xây lắp Tiến Thịnh và Công ty TNHH dụng cụ thể thao Jiali Việt Nam), thiết kế: Có

mái che kín khí, nền bê tông cốt thép bảo đảm chống thấm, tránh nước mưa chảy tràn. Hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Bùn từ bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định; không lưu giữ tại kho.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng.

- Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Diện tích khoảng 4 m² (dùng chung với kho lưu giữ của Công ty Cổ phần phát triển đầu tư và xây lắp Tiến Thịnh, bố trí vách ngăn phân chia riêng giữa 2 Công ty theo văn bản thỏa thuận số 2503/2025/TT-JL ngày 25/05/2025 giữa Công ty Cổ phần phát triển đầu tư và xây lắp Tiến Thịnh và Công ty TNHH dụng cụ thể thao Jiali Việt Nam), thiết kế: Có mái che kín khí, nền bê tông cốt thép bảo đảm chống thấm, tránh nước mưa chảy tràn.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. 

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **50** /GPMT-UBND ngày **09** tháng **1** năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.
2. Chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại môi trường do cơ sở gây ra theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.
3. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời áp dụng các biện pháp tiên tiến nhằm hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình hoạt động.
4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
5. Giảm thiểu phát sinh chất thải rắn thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.
7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
8. Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật. **21**